

VỀ ĐỘNG TỪ GADA VÀ ODA TRONG TIẾNG HÀN

(Liên hệ với tiếng Việt)

ThS.NCS TRẦN THỊ HƯỜNG

Tóm tắt tiếng Việt:

Động từ Gada và Oda là hai động từ tiêu biểu cho tiểu loại động từ chuyển động tiếng Hàn, có tần suất sử dụng rất cao trong giao tiếp. Trong quá trình thụ đắc tiếng Hàn như một ngoại ngữ, người học thường mắc lỗi khi sử dụng hai động từ này. Bài viết đã chỉ ra những đặc trưng tiêu biểu về mặt ngữ pháp – ngữ nghĩa của hai động từ chuyển động điển mẫu trong tiếng Hàn là Gada và Oda, có sự liên hệ với hai động từ Đi và Đến trong tiếng Việt. Bài viết đã phân tích và đưa ra cách dùng hai động từ Gada và Oda căn cứ vào vị trí của người nói và chủ thể chuyển động. Qua sự phân biệt các đặc trưng ngữ pháp – ngữ nghĩa, các tình huống sử dụng thực tế của Gada và Oda, hi vọng hoạt động giao tiếp liên quan đến hai động từ này sẽ được cải thiện.

Từ khóa : *Gada, Oda, động từ chuyển động, tần suất, đặc trưng ngữ pháp, ngữ nghĩa.*

Tóm tắt tiếng Anh:

On the usage of Gada and Oda verbs in Korean (compared to Vietnamese)

Gada and Oda are two typical motion verbs which have very high usage frequency in Korean language. In process of understanding Korean as a foreign language, learners usually misuse these two verbs. This paper pointed out main features in semantical grammar aspect of the two Korean typical motion verbs: Gada and Oda, in comparison to Đi (to Go) and Đến (to Come) in Vietnamese. The author analysed and gave guide line for the usage of Gada and Oda based on position of the speaker and the moving actor. Through differentiating semantical-grammatical features and practical usages of Gada and Oda, the author hopes communication related to these two verbs will be improved.

Keywords: *Gada, Oda, motion verbs, frequency, semantical grammatical features, speaker position, moving actor.*

Dẫn nhập :

Động từ chuyên động (ĐTCD) là một trong những tiểu loại động từ (ĐT) được sử dụng thường xuyên, có tần suất cao trong giao tiếp hàng ngày. (Về định nghĩa ĐTCD, xin xem [15,79], [1, 151], [4,148]). Đây cũng là tiểu loại ĐT được đề cập sớm trong quá trình giáo dục tiếng Hàn như một ngoại ngữ. [14, 82-83]. Có thể nói, trong tiểu loại ĐTCD có hướng, ĐT *Gada* và *Oda* được coi là những ĐT điển mẫu, mang những đặc trưng ngữ nghĩa – ngữ dụng khá phức tạp. Thực tế giảng dạy và nghiên cứu về nhóm ĐT này cho thấy, nhiều trường hợp người Việt học tiếng Hàn vẫn có sự mơ hồ và nhầm lẫn trong cách dùng hai ĐT này do tiêu chuẩn lựa chọn 2 ĐT, tri thức về ngôn ngữ mẹ đẻ (L1) ảnh hưởng đến phát ngôn ngoại ngữ (L2). Với tư cách là nhóm ĐT cơ bản, có vị trí quan trọng trong hệ thống từ loại ĐT tiếng Hàn, có tần suất sử dụng rất cao trong giao tiếp tiếng Hàn¹, tiểu nhóm ĐT này đã nhận được nhiều sự quan tâm, nghiên cứu của giới Hàn ngữ học. Có thể kể ra một số nghiên cứu tiêu biểu như Cheon Giseok (1983), Seon Sootae(1992), Kim Eungmo(1993), Nam Seungho (2003), Jeong Joori (2005), Go Seokjoo(2005), Oh Gyeongsook (2009), Kim Hyeryeong (2011), Ahn Chanwon (2012)... Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu chi tiết nào về nhóm ĐT này tại Việt Nam. Bài viết này nhằm tiến hành miêu tả, phân tích đặc trưng ngữ nghĩa, ngữ pháp của hai ĐT- với tư cách là một trong những ĐTCD có hướng điển mẫu, nhằm đưa ra cái nhìn tổng quan, đem lại hiệu quả cao nhất cho người Việt Nam trong quá trình quá trình thụ đắc, sử dụng tiếng Hàn như một ngoại ngữ, trên quan điểm coi trọng ngữ pháp giao tiếp. “Ngữ pháp giao tiếp luôn đi theo hướng thực tế... Ngữ pháp giao tiếp khác với ngữ pháp cổ điển ở chỗ, nó cùng lúc chỉ ra các quy tắc kết hợp lời nói trên những bậc khác nhau và các quy tắc sử dụng chúng trong những tình huống giao tiếp khác nhau để diễn đạt tư duy” [1, 181 - 183]

¹ Bảng thống kê tần suất sử dụng của ĐT *Gada* và *Oda*, trích từ báo cáo phân tích khối liệu “Kế hoạch Sejong thế kỉ 21” của Viện ngôn ngữ Quốc gia Hàn Quốc (2009), dẫn theo [2013: 83]

Thứ tự	ĐTCD	Tần suất	Thứ tự	ĐTCD	Tần suất
1	Gada (đi)	28.855	11	deureooda(đến/vào)	5.477
2	Oda(đến/về)	21.426	12	danida(đi)	5.245
3	Naoda(ra)	18.657	13	Doraoda(quay lại)	4.764
4	Deureogada(vào/về)	8.944	14	Naseoda (bước ra)	4.743
5	Seoda(đứng)	7.966	15	Oreuda(lên)	4.481
6	Tada(cưỡi/lên (xe))	6.668	16	Hyanghada(hướng về/hướng tới)	4.439
7	Naerida(xuống)	6.617	17	neomda (vượt/trào/tràn)	4.363
8	Nagada(bước ra)	6.463	18	Doragada(quay lại)	4.240
9	Ireuda(chạm đến)	5.776	19	Geotda (đi bộ)	3.612
10	Teonada (rời đi)	5.615	20	Omgida (chuyên)	3.252

1. Những đặc trưng quan yếu của động từ Gada và Oda

1. 1. Cấu trúc cú pháp và một số đặc trưng kết hợp của nhóm động từ Gada và Oda

Hai động từ này thường xuất hiện trong cấu trúc tiểu nhóm ĐTCD có [Hướng] và [Đích] (đi/đến đâu để làm gì). Mô hình cấu trúc cú pháp của nhóm ĐT này cũng đồng nhất với tiểu loại ĐTCD tham khảo [15] như sau :

$N_0 \quad [\text{XP} \quad \text{V-러}] \quad N1-(\text{Loc}+\text{Acc}) \quad \underline{V}_0$

Theo đó, ĐTCD nằm ở vị trí V_0 , do đó có thể thấy Gada và Oda cũng ở vị trí này. Trong biểu thức trên, N_0 biểu thị mệnh đề chủ ngữ trong câu có chứa ĐTCD, $N1$ là tham thể Vị trí của ĐTCD, XP là tham thể của ĐT kết hợp với trợ từ $-(으)러$. Loc được thể hiện bằng các trợ từ đi sau như $-e$, $-eseo$, $-(eu)ro$. Acc biểu thị trợ từ bổ ngữ cách $-eul/reul$.

(저는 [나오코 씨를 배웅하러] 왕 영 씨와 함께 [공항에] 갔습니다.

(1) *Jeo neun [Naoko ssireul baeunghareo] Wangyeong ssioa hamkke [gonghange] gatseumnida.*
Tôi (đã) cùng Wangyeong đi sân bay để đón Naoko.

일 년 동안 [한국말과 역사를] [공부하러] 왔어요. [13]

Il lyeon dongan [hangugmalgwa yeoksareul] [gongbuhareo] watsoyo.

Tôi đến để học tiếng Hàn và lịch sử Hàn Quốc trong một năm.

Qua khảo sát ngữ liệu, chúng tôi thấy sự kết hợp của động từ *Gada* và *Oda* với các trợ từ bổ ngữ (*eul/reul*, *e*, *el*, *ereul*) là tương đối tự do. ĐT *Gada* (Đi) thường kết hợp với hầu hết các trợ từ bổ ngữ này, và đôi khi không cần trợ từ này trong giao tiếp khẩu ngữ. Ví dụ :

고향(에, 에를, 엘, 을, ∅) 갔다 . *Gohyang(e, ereu, el, eul, ∅) gatta.*

Đi về quê.

Động từ *Gada* có thể kết hợp được với tất cả các yếu tố trong ngoặc đơn.

Trong khi, cùng một cấu trúc như trên, nhưng với một ĐT khác thì sự kết hợp này lại không được chấp nhận.

고향(에, *에를, *엘, *을, * ∅) 남았다. *Gohyang(e, *ereu, *el, * eul, * ∅) namatta.*

Ở lại quê

가기 (가, *를) 싫다 . *Gagi(ga, *reul) silta*

Không thích đi

Trong trường hợp này, các vị từ *namda* (ở lại) và *silta* (không thích) chỉ lựa chọn trợ từ $-e$ và *ga*, mà không chấp nhận các trợ từ còn lại, có dấu $*$.

Đây là đặc trưng kết hợp các trợ từ *i/ga* với các vị từ tình thái kiểu *Silta/Jota* (không

thích/thích), các trợ từ *-eul/reul* với các ĐT *Sireohada/Joahada* (ghét/ thích) [9, 20-21]

* *Gada* và *Oda* còn được dùng với tư cách là một trợ ĐT, có dạng **Thân ĐT chính + vĩ tố liên kết + *Gada/Oda (-eo/a/yeo gada)***, dùng để biểu thị sự duy trì và tiến triển trạng thái của động tác. Trường hợp này, ý nghĩa của một ĐTCĐ đã mờ nhạt hoặc bị thay đổi. Cấu trúc cú pháp cũng không còn nguyên vẹn giống như một ĐTCĐ nêu trên.

일이 잘 되어 갑니다. *Iri jal toeeo gamnida.*

Công việc đang tiến triển tốt.

나는 지금까지 열심히 살아 왔다. *Naneun jigeumkkaji yeolsimhi sara watta.*

Tôi đã sống chăm chỉ cho đến giờ.

Hai động từ *Gada* và *Oda* còn được coi là “hình thái lõi”, có thể dễ dàng sản sinh ra từ mới bằng cách liên kết với các hình thái khác như:

나가다-*nagada*(ra ngoài), 나오다-*naoda*(ra), 들어가다-*teureogada*(vào), 들어오다-*teureooda*(vào trong/về), 올라가다-*ollagada* (đi lên), 올라오다-*ollaoda*(đi lên), 내려가다-*naereogada*(đi xuống)...v..v hay tạo ra các cặp từ trái nghĩa như 가다 –오다-*gada-oda* (đi/đến), 나가다 – 들어오다-*nagada-teureooda*(ra/vào), 올라가다- 내려오다-*ollagada-naereooda* (lên/xuống)...v.v..

1.2. Đặc trưng cú pháp của động từ *Gada* và *Oda*

Theo cách phân loại của ngữ pháp chức năng, dựa vào chủ thể của động tác chuyển động là chủ ngữ/ chủ ngữ chuyển động và chủ thể của động tác là bổ ngữ/ bổ ngữ chuyển động có thể chia ra các ĐTCĐ có chủ ngữ chuyển động và các ĐTCĐ có bổ ngữ chuyển động. Nhóm thứ nhất gồm: *Gada* (đi), *Danida* (đi), *Geotda* (đi bộ), *Oda* (đến), *Chulpalhada* (xuất phát), *Tteonada* (rời đi), *Idonghada* (đi động), *Ttuyda*(chạy), *Dallida*(chạy), *Nagada*(ra), *Jinagada*(đi qua), *Gida*(bò), *Oreuda*(lên), *Naerida* (xuống), *Heureuda*(chạy), *Gureuda*(lăn), *Ttoreojida*(roi/rót), *Isagada* (chuyển nhà), *Domanggada* (bỏ trốn), *Geoleumhada* (bước đi), *Peojida* (lan ra).v.v..Nhóm thứ hai gồm các ĐTCĐ có bổ ngữ chuyển động: *Kkeulda* (kéo, dẫn, lôi), *Bonaeda* (gửi/cứ), *Naebonaeda* (tiễn), *Nota* (đặt), *Neota* (nhét/đút), *Chyuda* (xóa), *Ppaeda* (rút), *Bakda* (đóng)...

Theo đó, động từ *Gada* và *Oda* thuộc nhóm thứ nhất – ĐTCĐ có chủ ngữ chuyển động. Chủ thể chuyển động có thể là chủ ngữ hay bổ ngữ, mang đặc điểm là [+Người hành động] hay [-Người hành động]. Trong trường hợp này, chúng tôi chỉ xét nhóm ĐT có chủ thể chuyển động là động từ *Gada* (đi), *Oda* (đến) có đặc điểm là [+người hành động]

1.3. Đặc trưng ngữ nghĩa của động từ *Gada* và *Oda*

Như đã biết, trong cấu trúc vị từ - tham thể, Chủ tố là tham tố không tất yếu (không bắt buộc) của vị từ, còn Diễn tố là tham tố tất yếu (bắt buộc) của vị từ.

Bỏ ngữ và trạng ngữ là yếu tố *cú pháp*, còn diễn tố, chủ tố là vai *ngữ*. Có những diễn tố được biểu hiện dưới hình thức ngữ pháp là bỏ ngữ, nhưng không phải là bỏ ngữ nào cũng là diễn tố, như trong ví dụ :

Nó dạo *bờ hồ* một lát rồi về.
bờ hồ = bỏ ngữ - chủ tố [4, 189-190]

A : 아침 일찍이 어디 가십니까? Achim iljjiki eoti **gasimnikka**?
Sáng sớm anh đã **đi** đâu vậy?

B : 은행에 갑니다. Eunhaenge **gamnida** [10]
Tôi đi ngân hàng.

이영조 PD 좀 만나러 왔는데요.

Tôi đến để gặp đạo diễn Lee Yeong Jo. Lee Yeongjo PD jom mannareo **watneundeyo**. [7]

Với tư cách là một ĐTCĐ, hai động từ *Gada* và *Oda* cũng có đặc trưng ngữ nghĩa gồm Đích, Hướng, Nguồn và các chủ tố gồm Phương tiện, thời gian...

Trong số vai ngữ này, Hướng là một trong những yếu tố quyết định trong việc sử dụng động từ *Gada* hoặc *Oda*, tùy vào từng ngữ cảnh. (*Chúng tôi sẽ nói thêm về nội dung này ở phần 1. 4.*)

1.4. Cách dùng *Gada* và *Oda*

1.4.1. Căn cứ vào vị trí của người nói:

Qua kinh nghiệm giảng dạy, chúng tôi quan sát thấy người Việt học tiếng Hàn khi sử dụng động từ *Gada* và *Oda* trong tiếng Hàn, trong sự đối ứng với tiếng Việt, có nhiều trường hợp dùng sai. Bởi vì, mặc dù nghĩa từ điển của *Gada* là *Đi* còn *Oda* là *Đến*, nhưng nhiều khi chúng không tương ứng một đối một như vậy.²

Hầu hết các nghiên cứu liên quan đến đồng ý với nhận định, trong tiếng Hàn, việc lựa chọn sử dụng *Gada* hay *Oda* chính là phụ thuộc vào vị trí của người nói (*Hwajauji uji*). Chúng tôi cũng đồng ý với nhận định này (Điều này là điểm khác với tiếng Anh, với cách sử dụng ĐT tương tự là *come*, lại tùy thuộc vào vị trí của cả người nói và người nghe.)

Khi muốn lựa chọn dùng động từ *Gada* hay *Oda* trong phát ngôn, người nói cần xác định vị trí của mình để lựa chọn *Gada* hay *Oda*. Nếu chuyển động về phía gần người nói (hướng tới người nói) thì dùng *Oda*, nếu không thì dùng *Gada*.

Ví dụ:

Khi người nói là thầy giáo, đang ở trường, nói với sinh viên là “đến trường gặp tôi”, thầy giáo sẽ nói :

나를 만나러 학교에 오세요. *Nareul manareo hakyoe oseo*.

² Trong tiếng Anh, ĐTCĐ *Đến* cũng có thể xuất hiện với các bỏ ngữ khác nhau như ví dụ mà [7, 55] dẫn ra:

- Pat came to the library (Pat đến thư viện)
- Pat came from the cafeteria (Pat từ nhà ăn đến)
- Pat came from the cafeteria to the library (Pat từ nhà ăn đến thư viện)
- Pat came towards us. (Pat (đi) đến phía chúng tôi)
- Pat came through the woods (Pat đến qua khu rừng(đi qua rừng đến đây))

Trường hợp này, sự chuyển động đến gần người nói (thầy giáo) nên dùng *Oda*.
Nếu học sinh muốn đáp lại là “*Em sẽ đến trường gặp thầy ạ*”, thì phải nói:
선생님을 만나러 학교에 갈게요. *Seonsaengnimeul manareo hakyoe galgeyo.*

Trường hợp này, sự chuyển động ra xa người nói (học sinh) nên phải dùng *Gada*.

Nhưng trong trường hợp người thứ ba chuyển động về phía người nghe, thì cần xem xét sự chuyển động của người thứ ba đó liên quan thế nào với vị trí của người nói, và chủ yếu người ta dùng ĐT *Gada*.

*** Lưu ý :**

Tình hình lại không đơn giản để áp dụng quy tắc đó trong một số tình huống giao tiếp đặc biệt.

Giả sử khi xem xét một phát ngôn kiểu như :

나중에 베트남에 가면 저한테 연락해 주세요.

Najunge beteuname gamyeon jeohante yeollak juseyo.

Sau này nếu anh (đi/đến) Việt Nam thì hãy liên lạc với tôi.

Với phát ngôn này, nếu người nói đang ở Việt Nam thì cách dùng *Gada* là sai, mà phải dùng *Oda*, vì người nghe sẽ đi về phía người nói. Nhưng nếu người nói đang ở một nơi không phải Việt Nam (Hàn Quốc hay nước ngoài) thì dùng *Gada* là chuẩn xác.

Điều này việc học tiếng Hàn như một ngoại ngữ trở nên khó khăn, và người nước ngoài thường xuyên bị dùng sai hai ĐT này.

Vậy là, để đạt được độ chuẩn xác trong sử dụng hai ĐT này, thì các điều kiện bên ngoài ngôn ngữ như vị trí của người nói và người nghe có vẻ quan trọng hơn các điều kiện khác.

4.2. Căn cứ vào vai chủ thể chuyển động [13]

Các yếu tố như chủ thể chuyển động, đích của sự chuyển động và thời gian của sự chuyển động cũng quan trọng trong việc quyết định sử dụng động từ *Gada* hay *Oda* trong tiếng Hàn.

Sau đây là một số phân biệt cách dùng động từ *Gada* và *Oda* dựa vào yếu tố “chủ thể chuyển động”.

a) Khi chủ thể chuyển động (chủ ngữ) là người nói

i) Nếu thời điểm phát ngôn và thời điểm diễn ra sự tình giống nhau thì chỉ dùng *Gada*

*저는 지금 철수 씨 집에 와요. *Cheoneun jigeum cheolsoo si jipe waiyo.*

저는 지금 철수 씨 집에 가요. *Cheoneun jigeum cheolsoo si jipe gayo.*

Bây giờ tôi đến nhà Cheolsoo.

ii) Nếu thời điểm phát ngôn và thời điểm diễn ra sự tình khác nhau nhưng địa điểm diễn ra sự tình đồng nhất với đích của sự chuyển động thì dùng *Oda*, nếu không đồng nhất thì dùng *Gada*.

저는 아까 철수 씨 집에 왔어요. *Jeoneun akka Cheolsoo ssi jipe watssoyo.*

저는 아까 철수 씨 집에 갔어요. *Jeoneun akka Cheolsoo ssi jipe gatsoyo.*

Ban nãy tôi **đã đến** nhà Cheolsoo

b) Khi chủ thể chuyển động (chủ ngữ) là người nghe

Trường hợp này việc lựa chọn ĐT lại không liên quan đến thời gian chuyển động, mà phụ thuộc vào việc vào thời điểm diễn ra sự tình, người nói có ở đích đến hay không.

지금 학교에 오고 있어요? *Jigeum hakkyoe ogo itssoyo?*

지금 학교에 가고 있어요? *Jigeum hakkyoe gago itssoyo?*

Bây giờ anh **đang đến** trường à?

아까 제 사무실로 오셨잖아요. *Akka je samusillo osyeotjanayo.* (Người nói ở văn phòng khi người nghe-chủ thể chuyển động đến văn phòng)

아까 제 사무실로 가셨잖아요.

Ban nãy anh **đã đến** văn phòng tôi mà. *Akka je samusillo gasyeotjanayo.* (Người nói không ở văn phòng khi người nghe- chủ thể chuyển động đến văn phòng)

Trường hợp trên, không liên quan đến thời gian, mà chỉ liên quan đến đích - nơi mà người nghe định đi, có người nói thì dùng *Oda*, nếu không thì dùng *Gada*.

저는 내일 학교에 안 와요. 철수 씨는 내일 와요? *Jeoneun naeil hakkyoe an oayo. Cheolsoo ssineun naeil oayo?* (Người nói đang ở trường – đích mà người nghe định đi)

Mai tôi không đến trường. Anh Cheolsoo mai có đến không?

*저는 내일 학교에 안 와요. 철수 씨는 내일 가요? *Jeoneun naeil hakkyoe an wayo. Cheolsoo ssineun naeil gayo?* (Người nói đang không ở trường – đích mà người nghe định đi)

Khi diễn ra sự tình, người nói dù không có mặt ở điểm đến của sự chuyển động nhưng nếu địa điểm diễn ra sự tình đồng nhất với điểm đến thì dùng *Oda*, nếu không thì dùng *Gada*.

c) Khi chủ thể chuyển động (chủ ngữ) là ngôi thứ ba

철수 씨가 이리로 **오고** 있어요. *Cheolsoo sssiga iriro ogo itssoyo* (Người nói đang ở “đây”)

*철수 씨가 이리로 **가고** 있어요. *Cheolsoo sssiga iriro gago itssoyo*

Cheolsoo đang (đến/*đi) đây

Vậy là, dù người thứ ba có chuyển động thì sự lựa chọn ĐT chuyển động *Gada* hay *Oda* là phụ thuộc vào việc người nói có ở điểm đến hay không. Nếu người nói ở điểm đến của chuyển động thì luôn phải dùng *Oda*.

지민 씨, 제 서류가 바람에 날려서 지민 씨 쪽으로 왔어요. *Jimin ssi, je seoryuga baramenallyeoseo Jimin ssi jjogeuro watssoyo.*

지민 씨, 제 서류가 바람에 날려서 지민 씨 쪽으로 갔어요. *Jimin ssi, je seoryuga baramenallyeoseo Jimin ssi jjogeuro gatssoyo.*

Jimin, tài liệu của tôi bị gió làm bay (đi?/sang/đến) chỗ anh.

Trường hợp này người nghe là anh Jimin, và cả hai tình huống đều có thể dùng *Oda* và *Gada*. Nhưng nếu dùng *Oda* thì chỉ đúng khi người nói ở gần, cùng người nghe. Còn nếu người nói ở xa người nghe thì phải dùng *Gada*.

1.5. Liên hệ với động từ *Đi* và *Đến/về* trong tiếng Việt:

Có thể nói *Đi* và *Đến/về* là những ĐT đa nghĩa có tần suất sử dụng cao nhất trong số các ĐTCĐ nói chung và ĐT tiếng Hàn cũng như tiếng Việt nói riêng.

Trong tiếng Hàn, động từ *Gada* có 11 ý nghĩa, gồm 1. *Chuyển dịch vị trí từ nơi này đến nơi khác*; 2. *Đang từ nơi hiện tại chuyển đến nơi khác với một mục đích nào đó*; 3. *Vì nghề nghiệp, học hành hay công việc (복무), nên chuyển đến chỗ khác*; 4. *Chuyển giao đồ vật hoặc quyền lực cho ai đó*; 5. *Lời nói hay tin tức được thông báo hay truyền đạt*; 6. *Hướng tới một trạng thái hay tình huống nào đó*; 7. *Chạy theo một hướng*; 8. *Ảnh hưởng tác động đến một đối tượng nhất định*; 9. *Dùng cùng với những từ như “thời gian” với nghĩa “trôi qua”*; 10. *Mất trạng thái vốn có và bị thui hoặc biến chất và* 11. *Duy trì một hiện trạng hay trạng thái nào đó.* [8]

Còn trong [6,498], ĐT *Đi* có tới 18 nghĩa gồm : ① [người, động vật] tự chuyển ĐT chỗ này đến chỗ khác bằng những bước chân nhấc lên, đặt xuống liên tiếp ② [người] chuyển động đến nơi khác, không kể bằng cách gì, phương tiện gì ③ chét [lời nói kiêng tránh] ④ chuyển động đến chỗ khác, nơi khác để làm một công việc nào đó ⑤ [phương tiện vận tải] chuyển động trên một bề mặt ⑥ từ biểu thị hướng của hoạt động dẫn đến sự thay đổi vị trí ⑦ từ biểu thị hoạt động, quá trình dẫn đến kết quả làm cho không còn nữa, không tồn tại nữa ⑧ từ biểu thị kết quả của một quá trình giảm sút, suy giảm ⑨ biến mất một cách dần dần ⑩ chuyển vị trí quân cờ để tạo ra thế cờ mới ⑪ biểu diễn, thực hiện các động tác võ thuật ⑫ làm, hoạt động theo một hướng nào đó ⑬ tiến đến một kết quả nào đó ⑭ chuyển sang, bước vào một giai đoạn khác ⑮ đem đến tặng nhân dịp lễ tết, hiếu hỉ ⑯ mang vào chân hoặc tay để che giữ, bảo vệ ⑰ gắn với nhau, phù hợp với nhau ⑱ đi ngoài [nói tắt]

Vậy là, ta có thể sự phân xuất ý nghĩa trong tiếng Việt thể hiện sự chi tiết hơn so với tiếng Hàn, mặc dù có nhiều ý nghĩa thể hiện sự tương ứng.

Tuy nhiên nếu chỉ xét ĐT *Gada* với vai trò như ĐTCĐ chính danh, có thể thấy chỉ thấy trường hợp 1,3,5 trong tiếng Hàn và ① ② ④ ⑤ ⑥ ⑩ trong tiếng Việt tương ứng với công thức cấu trúc của ĐTCĐ cũng như ý nghĩa đặc trưng của ĐTCĐ.

Trong nghiên cứu của mình, tác giả Nguyễn Lai cũng đề cập đến *Đi/ Đến* như là hai động từ thuộc nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt, và cũng được xem là một trong những vị từ thông dụng nhất và đa nghĩa nhất trong tiếng Việt. “Ví dụ, qua thống kê khảo sát nhiều văn bản thuộc loại hình khác nhau với số lượng từ là 14.112 thì đi xuất hiện 1.357 lần và được xếp vào số hạng thứ 13” [5, 125]

Về mặt ngữ nghĩa, trong hai danh sách vị từ chuyển động [+Mục tiêu] và [-Mục tiêu] không có *Đi*, vì thái độ ngữ pháp, đặc biệt là diễn trị của nó, cản trở việc xếp nó vào nhóm này hay nhóm kia. Ví dụ trong câu : Con tôi mới biết đi thì *Đi* mang nghĩa [-Mục tiêu] còn trong câu “Nó sắp đi Hà Nội” thì *Đi* lại mang nghĩa [+ Mục tiêu] , [4,100-101]

Tác giả [5,132,135] cũng chỉ ra các “trường nghĩa” phong phú mà “đi” có thể thuộc vào, đó là trường động tác và trường hướng, trường tốc độ, trường vận động.

Như đã biết, tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, trong đó có đặc trưng nổi bật là các ý nghĩa ngữ pháp thường được biểu đạt bằng phương tiện từ vựng. Vì vậy, một từ cùng có một hình thái, nhưng nó có thể được sử dụng với các chức năng khác nhau, tùy vào trật tự trong câu. Động từ *Đi* và *Đến* cũng không phải trường hợp ngoại lệ.

Trương Thị Diễm (2009) cũng có nhận xét: *Đi* trong tiếng Việt cũng được sử dụng với các chức năng khác nhau, như:

- Em đi qua chuyến đò thấy con trăng đang nằm ngủ (Trịnh Công Sơn, *Biết đâu nguồn cội*). → đi: ĐTCĐ

- Ngủ đi em, tóc gió thổi bay! (Trịnh Công Sơn, *Biết đâu nguồn cội*) → đi: tình thái từ

- Mắt chợt tìm nhau rồi lại quay đi (Phan Thị Thanh Nhàn, *Hương thơm*) → đi: phó từ chỉ hướng

- Thu đi cho lá vàng bay (Đoàn Chuẩn-Từ Linh, *Lá đổ muôn chiều*). → - đi: ĐTCĐ

Vậy là cùng một từ *Đi*, mang cùng một hình thức ngữ âm nhưng do có ý nghĩa khái quát khác nhau, do chức năng ngữ pháp trong cụm từ, hoặc do chức vụ cú pháp trong câu khác nhau mà nó lại có tư cách từ loại khác nhau. Đây là điểm khác biệt khá lớn với tiếng Hàn, xuất phát từ sự khác biệt của loại hình ngôn ngữ.

Tóm lại, trong tiếng Việt “khi xuất hiện trong chức năng ĐT, *đi* bộc lộ những nét khá tiêu biểu của nhóm ĐT chỉ hướng vận động nói chung, đồng thời qua đó ta cũng thấy rõ những nét thuộc về đặc trưng riêng của *Đi*.” [5,148]

Một số ĐTCĐ tiếng Hàn có cấu trúc ý nghĩa khác với các ĐTCĐ có nghĩa tương đương như *장가/시집에 가다*- *jangga/sijipe gada* (đi về nhà vợ/nhà chồng = lấy chồng, lấy vợ, *이사하다*-*isagada* (mang nghĩa chuyển nhà, trong khi không xuất hiện từ Nhà), *양말/신발을 신다*-*yangmal/sinbaleul sinda* (mang nghĩa đi tất, đi giày dép, nhưng sử dụng động từ *Sinda* chứ không phải *Gada* như xét ở trên.), *나이들다*-*naiteulda* (ăn tuổi = đứng tuổi, phân biệt với *나이 먹다*-*nai meokda* (ăn tuổi = thêm tuổi mới)...

Một số từ như *걷다/걸어가다/걸음하다*-*geotda/georeogada/georeumhada* đều mang nghĩa “đi bộ” trong tiếng Việt.

Còn trong tiếng Việt lại có một số ĐTCĐ mang nghĩa mở rộng hoặc thu hẹp, nghĩa phái sinh như đi đứng = đi, đi đòi = mất, chết, đi đêm = trao đổi, thỏa thuận ngầm, đi bước nữa = tái hôn, đi ngoài = bệnh lí.v.v). Chúng tôi không tìm thấy hiện tượng tương tự trong tiếng Hàn. Tức là, trong tiếng Hàn dù có sự kết hợp giữa động từ *Gada* (*Đi*) và *Oda* (*Đến*) với nhau hoặc với các ĐTCĐ khác, thì nghĩa chuyển động thường chỉ được mở rộng trong phạm vi cộng hưởng hai nghĩa của động từ gốc, chứ ít có sự mở rộng nghĩa sang hướng khác, hay hướng khái quát hóa như trong tiếng Việt. Nhìn chung, căn

cứ vào các phân tích ở trên, tùy theo tình huống mà *Gada* và *Oda* được hiểu theo nghĩa của từ *Đi* và *Đến* trong tiếng Việt, nhưng khả năng tương ứng của cả hai từ này với từ *Đến* trong tiếng Việt nhiều hơn là *Đi*.

Động từ *Gada/Oda* và động từ *Đi/đến (về)* có tần suất sử dụng cao nhất, có những đặc điểm về nghĩa học và dụng học phức tạp hơn cả. Nhóm này thể hiện sự phong phú về ý nghĩa từ vựng, đặc biệt thể hiện nhiều ý nghĩa mở rộng rất thú vị.

Một số ĐTCD tiếng Hàn có cấu trúc ý nghĩa giống với ĐTCD tiếng Việt như :

올라가다-*olagada*(đi lên), 내려가다-*naereogada*(đi xuống), 시장에 가다(장보러 가다) –*sijange gada(jang boreo gada)* (đi chợ) là sự kết hợp giữa ĐT *Đi* và một ĐTCD khác, hoặc một danh từ. 왕래하다-*oangnaehada* (đi lại = qua lại= quan hệ), 출입하다 – *churipgada* (xuất nhập= ra vào)..v.v...

Vấn đề sử dụng hai ĐT *Gada/Oda* phức tạp như trên đã không chỉ khiến người Việt học tiếng Hàn cảm thấy khó khăn, mà còn ảnh hưởng đến người Hàn học tiếng Việt. Điều này lý giải tại sao người Hàn hay nói “Tôi đi trường” thay cho “Tôi đi đến/đến trường” hoặc “Anh ấy đi nhà rồi/ Anh ấy đến nhà rồi” thay cho “Anh ấy về nhà rồi”.

Kết luận

Bài viết đã chỉ ra những đặc trưng tiêu biểu về mặt ngữ pháp – ngữ nghĩa của hai động từ chuyển động điển mẫu trong tiếng Hàn là *Gada* và *Oda*, có sự liên hệ với hai động từ *Đi* và *Đến (về)* trong tiếng Việt. Bài viết đã phân tích và đưa ra cách dùng hai động từ *Gada* và *Oda* căn cứ vào vị trí của người nói và chủ thể chuyển động. Đồng thời bài viết cũng chỉ ra sự đối ứng về mặt ngữ pháp – ngữ nghĩa của nhóm động từ này. Theo đó, nhóm động từ *Gada* và *Oda* trong tiếng Hàn thể hiện đặc trưng hình thái cú pháp khá rõ ràng, nhưng các ý nghĩa lại không đa dạng như trong tiếng Việt. Do căn cứ để xác định lựa chọn sử dụng hai động từ *Gada* và *Oda* trong các tình huống hơi đặc thù, nên cần có sự cân nhắc kĩ trước khi lựa chọn trong giao tiếp cũng như chuyển nghĩa tương đương sang tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. *Đinh Văn Đức*, Các bài giảng về từ pháp học tiếng Việt, Từ loại nhìn từ bình diện chức năng, *Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2010*
2. *Lâm Quang Đông*, Cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu với nhóm vị từ trao/tặng (trong tiếng Anh và tiếng Việt), *NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2008*
3. *Trương thị Diễm*, Dùng lời thơ và ca từ để dạy tốt phần từ loại tiếng Việt cho sinh viên đại học, *Đà Nẵng, 2009*
4. *Nguyễn Thị Quy*, Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó (so sánh với tiếng Nga và tiếng Anh), *NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995*
5. *Nguyễn Lai*, Nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt, *Hà Nội, 1990*
6. *Hoàng Phê*, (chủ biên), Từ điển tiếng Việt, *NXB Đà Nẵng, 2006*

TIẾNG HÀ N

7. *가시나무새*, 드라마 대본, *서울*
8. *고려대학교민족문화연구원*, 고려대 한국어대사전, *고려대학교민족문화연구원 출판사, 서울, 2000*
9. *김기혁*, 국어문법연구 - 형태. 통어론, *박이정 출판, 서울, 1995*
10. *문체부*, 한국어 중급, *문체부 출판부, 서울*
11. *서강대학교*, 한국어 초급, *서강대학교 출판부, 서울*
12. *오경숙*, 한국어 이동 동사 오다와 가다 교육을 위한 문법 기술, *시학과 언어학, 제 17 호, 시학과 언어학회, 서울, 2009*
13. *전은진*, '가다, 오다'류 이동 동사의 어휘 습득에 고나한 연구, *우리말연구 34 집, 한양대학교, 서울, 2013*
14. *채희락*, 「이동동사의 정의와 분류」, 『현대문법연구』 제 15 권 제 1 집, *서울, 1999*
15. *홍재성*, 현대 한국어 동사 구문 연구, *득산동아 출판사, 서울, 1989b*